

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/12/2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Viễn.*

*Ông Phạm Thanh Phong.*

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án.*

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh **Trần Minh N** sinh năm 1996 ( vắng mặt);*

*Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Linh H** sinh năm 1998 (vắng mặt);*

*Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 30/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh N trình bày:*

*Về hôn nhân: Anh N và chị H là vợ chồng, cưới nhau vào 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/10/2020. Sau khi cưới anh N và chị H sống chung với gia đình anh N tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống chung được 01 tháng thì chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân do chị H cho rằng cha mẹ chồng khó khăn, chị không sống chung được nữa chứ hai vợ chồng không có mâu thuẫn, cũng không có cãi nhau. Sau khi chị H về nhà cha mẹ ruột sống, anh N đã cố gắng hàn gắn tình cảm, nhiều lần qua nhà cha mẹ vợ yêu cầu chị H về sống chung nhưng chị H không đồng ý. Anh N và chị H đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến thời điểm*

hiện tại, hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Không có con chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Gồm có 22 chỉ vàng 24K, cụ thể gồm có: 01 chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K, 02 chiếc vòng tay 06 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Số vàng này do cha mẹ ruột anh N cho vợ chồng anh trong ngày cưới. Khi chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị H đã mang theo hết. Tuy nhiên, anh và chị H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Linh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:*

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Minh N, chị Nguyễn Thị Linh H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh N có văn bản xin vắng mặt, chị H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N, chị H.

*[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh N về việc yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Linh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa anh N và chị H là vợ chồng, cưới nhau vào 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/10/2020. Sau khi cưới, anh N và chị H sống chung với gia đình anh N tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống chung được 01 tháng thì chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân do chị H cho rằng cha mẹ chồng khó khăn, chị không sống chung được nữa chứ hai vợ chồng không có mâu thuẫn, cũng không có cãi nhau. Sau khi chị H về nhà cha mẹ ruột sống, anh N đã cố gắng hàn gắn tình cảm, nhiều lần qua nhà cha mẹ vợ yêu cầu chị H về sống chung nhưng chị H không đồng ý. Anh N và chị H đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến thời điểm hiện tại. Hiện anh N không còn tình cảm với chị H, cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau;

Tòa án nhân dân huyện C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Linh H nhưng chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của anh N và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy chị H không có thành ý hàn gắn tình cảm giữa anh chị. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như chị H không có phản đối gì đối với yêu cầu được quyền ly hôn của anh N;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị H không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Minh N.

[3] *Về con chung*: Anh N khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Anh N cho rằng, giữa anh và chị H có các tài sản chung như sau: 01 chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K, 02 chiếc vòng tay 06 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Tổng cộng là 22 chỉ vàng 24K. Số vàng này do cha mẹ ruột anh cho vợ chồng anh trong ngày cưới. Khi chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị H đã mang theo hết. Tuy nhiên, anh và chị H sẽ tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Anh N khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Nguyễn Minh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 92, 147, 220, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh N được quyền ly hôn chị Nguyễn Thị Linh H.

2. Về án phí: Anh Trần Minh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005015 ngày 08/4/2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh N đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Minh N và chị Nguyễn Thị Linh H vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Lĩnh**